

**BỘ 10 ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 9 CÓ ĐÁP ÁN****1. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 1****TRƯỜNG THCS ĐÌNH PHONG PHÚ****ĐỀ THI HỌC KÌ 1****MÔN ĐỊA LÍ 9****NĂM HỌC 2020 – 2021****Thời gian: 45 phút****I. TRẮC NGHIỆM**

Chọn ý đúng trong các câu sau.

**Câu 1.** Vùng nào sau đây ở nước ta không tiếp giáp với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- D. Biển Đông.

**Câu 2.** Hai trung tâm kinh tế lớn nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. Hà Nội và Nam Định.
- C. Hà Nội và Hải Phòng.
- C. Hà Nội và Hải Dương.
- D. Hà Nội và Hạ Long.

**Câu 3.** Giới hạn của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ bắt đầu và kết thúc là

- A. Thừa Thiên - Huế đến Bình Thuận.
- B. Đà Nẵng đến Bình Thuận.
- C. Đà Nẵng đến Ninh Thuận.
- D. Thừa Thiên - Huế đến Phú Yên.

**Câu 4.** Trung tâm kinh tế lớn nhất về quy mô, cơ cấu ngành đa dạng ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Đà Nẵng.
- C. Nha Trang.
- B. Quảng Nam.
- D. Quy Nhơn.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1. (1 điểm)**

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khó khăn gì đối với phát triển kinh tế?

**Câu 2. (2 điểm)**

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm những tỉnh, thành phố nào? Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

**Câu 3. (2 điểm)**

Phân bố dân cư và hoạt động kinh tế của Bắc Trung Bộ có gì khác nhau giữa phía đông và phía tây?

**Câu 4. (3 điểm)**

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam, cho biết:

Tên và vùng phân bố (tỉnh) các cây công nghiệp chủ yếu (cà phê, cao su, hồ tiêu, chè, bông) của Tây Nguyên.

Tên các nhà máy thủy điện đang hoạt động ở Tây Nguyên.

**ĐÁP ÁN**

**I. TRẮC NGHIỆM**

1 - C	2 - C	3 - B	4 - A
-------	-------	-------	-------

**II. TỰ LUẬN (8 điểm)**

**Câu 1. (1 điểm)**

Khó khăn: địa hình bị chia cắt, thời tiết diễn biến thất thường, khoáng sản có trữ lượng nhỏ và điều kiện khai thác phức tạp, xói mòn đất, sạt lở đất, lũ quét...

**Câu 2. (2 điểm)**

Các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

Vai trò: tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng Sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 3. (2 điểm)**

Khác nhau về dân cư và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây của Bắc Trung Bộ:

Đồng bằng ven biển phía đông:

- + Dân cư: chủ yếu là người kinh
- + Hoạt động kinh tế: sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

Miền núi, gò đồi phía tây

- + Chủ yếu là các dân tộc ít người: Thái, Mường, Tày, Mnông, Bru-Vân Kiều...
- + Hoạt động kinh tế: nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, canh tác trên nương rẫy, chăn nuôi trâu, bò đàn,...

#### Câu 4. (3 điểm)

Tên và vùng phân bố cây công nghiệp:

- + Cà phê: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Lâm Đồng.
- + Cao su: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum.
- + Hồ tiêu: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai.
- + Chè: Lâm Đồng, Gia Lai.
- + Bông: Đắk Lắk, Gia Lai.

Tên các nhà máy điện đang hoạt động: Y-a-ly, Xê Xan 3, Xê Xan 4, Drây Hling.

## 2. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 2

TRƯỜNG THCS CÙ CHÍNH LAN

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 9

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

### I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn ý đúng trong các câu sau.

**Câu 1.** Các tỉnh nào dưới đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Thanh Hoá, Nghệ An.
- C. Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.
- B. Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- D. Đà Nẵng, Quảng Nam.

**Câu 2.** Trung tâm kinh tế nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng.
- C. Vinh.
- B. Thanh Hoá.
- D. Huế.

**Câu 3.** Trung tâm công nghiệp, đào tạo và nghiên cứu khoa học của vùng Tây Nguyên là

- A. Đà Lạt.
- C. Buôn Ma Thuột.

- B. Plây Ku.  
D. Kon Tum.

**Câu 4.** Tỉnh nào **không** thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Thừa Thiên - Huế.  
C. Quảng Ngãi.  
B. Đà Nẵng.  
D. Khánh Hòa.

## II. TỰ LUẬN (8 điểm)

**Câu 1.** (1,5 điểm)

Trình bày thế mạnh về nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 2.** (2 điểm)

Dựa vào Alát Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày tình hình phát triển kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 3.** (1,5 điểm)

Tây Nguyên có những thuận lợi gì về tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế?

**Câu 4.** (3 điểm)

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây và kiến thức đã học:

**MẬT ĐỘ DÂN SỐ PHÂN THEO VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2009**

<b>Khu vực</b>	<b>Mật độ dân số trung bình (người/km<sup>2</sup>)</b>
<b>Cả nước</b>	<b>260</b>
Đồng bằng sông Hồng	1235
Trung du và miền núi Bắc Bộ	120
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	197
Tây Nguyên	94
Đông Nam Bộ	597
Đồng Bằng sông Cửu Long	425

a) Nhận xét về mật độ dân số của Đồng bằng sông Hồng.

b) Mật độ dân số cao có thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng?

## ĐÁP ÁN

### I. TRẮC NGHIỆM .

1 - D	2 - A	3 - C	4 - D
-------	-------	-------	-------

### II. TỰ LUẬN

#### Câu 1.

Thế mạnh về nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ:

- Nhờ có điều kiện sinh thái phong phú nên cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng, đặc biệt là các sản phẩm có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới như chè, hồi, mơ, mận, đào, lê... Cây chè chiếm tỉ trọng lớn về diện tích và sản lượng so với cả nước.
- Chăn nuôi: Đàn trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cả nước; chăn nuôi lợn cũng phát triển, đặc biệt là ở các tỉnh trung du.

#### Câu 2.

Kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ:

- Khai thác và nuôi trồng thủy sản: vùng có nhiều tỉnh sản lượng thủy sản khai thác vào loại cao của cả nước như Bình Thuận, Khánh Hòa, Bình Định,...
- Dịch vụ cảng biển: vùng có nhiều cảng biển quan trọng vừa là đầu mối giao thông vừa là cơ sở xuất nhập khẩu (Đà Nẵng, Quy Nhơn, Dung Quất...).
- Du lịch biển phát triển mạnh, nhiều địa danh du lịch biển nổi tiếng như Mỹ Khê (Đà Nẵng) Nha Trang, Mũi Né (Phan Thiết)...
- Nghề làm muối: phát triển mạnh ở ven biển, tập trung ở Cà Ná, Sa Huỳnh.

#### Câu 3.

Thuận lợi: có tài nguyên thiên nhiên phong phú, thuận lợi cho phát triển kinh tế đa ngành.

- Khí hậu cận xích đạo, đất badan nhiều nhất cả nước (chiếm 66% diện tích đất badan của cả nước) thích hợp trồng các cây công nghiệp như cà phê, cao su, hồ tiêu, điều,...
- Rừng tự nhiên còn khá nhiều.
- Trữ năng thủy điện khá lớn, khoáng sản có bộ xít với trữ lượng lớn.

#### Câu 4.

a) Nhận xét

Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số rất cao và cao nhất trong các vùng của cả nước; cao hơn gấp 4,7 lần mật độ dân số trung bình của cả nước, 13,1 lần Tây Nguyên, 10,2 lần Trung du và miền núi Bắc Bộ,... 2,9 lần Đồng bằng sông Cửu Long.

b) Thuận lợi và khó khăn:

- Thuận lợi: nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

- Khó khăn

+ Bình quân đất nông nghiệp thấp nhất cả nước.

+ Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, thiếu việc làm ở nông thôn cao hơn mức trung bình toàn quốc.

+ Nhu cầu về việc làm, y tế, văn hóa, giáo dục ngày càng cao, đòi hỏi đầu tư lớn.

### 3. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 3

TRƯỜNG THCS HAI BÀ TRƯNG

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 9

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

#### I- Phần trắc nghiệm

**Câu 1:** Các trung tâm kinh tế quan trọng nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ là: (0,5 điểm)

- A. Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi.
- B. Tuy Hòa, Phan Rang – Tháp Chàm, Phan Thiết.
- C. Hội An, Vĩnh Hảo, Mũi Né.
- D. Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang

**Câu 2:** Tỉnh nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa tiếp giáp biển vừa có biên giới với Lào: (0,5 điểm)

- A. Quảng Nam      B. Quảng Ngãi
- C. Quy Nhơn      D. Khánh Hòa

**Câu 3:** Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực đồng bằng ven biển phía đông vùng Bắc Trung Bộ là: (0,5 điểm)

- A. Công nghiệp, thương mại, du lịch, chăn nuôi bò đàn
- B. Chăn nuôi lợn, nghề rừng, cây công nghiệp hằng năm
- C. Trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu, bò đàn
- D. Sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm, thương mại.

**Câu 4:** Tây Nguyên có điều kiện thuận lợi nào để phát triển cây công nghiệp lâu năm: (0,5 điểm)

- A. Đất phù sa, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
- B. Giao thông vận tải thuận lợi, đất phù sa

- C. Đất đỏ bazan, khí hậu cận xích đạo  
D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn, đất đỏ bazan

**Câu 5: Dân cư ở đồng bằng đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là: (0,5 điểm)**

- A. Chủ yếu là người Kinh, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.  
B. Chủ yếu là các dân tộc thiểu số, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.  
C. Chủ yếu là các dân tộc thiểu số, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố.  
D. Chủ yếu là người Kinh, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

**Câu 6: Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)**

- A. Mía, đậu tương, thuốc lá, lạc.  
B. Cà phê, cao su, chè, điều  
C. Bông, lạc, hồ tiêu, dứa  
D. Thuốc lá, đậu tương, dứa, hồ tiêu.

## II- Phần tự luận

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy: (3,5 điểm)**

- a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc xuống Nam?  
b. Kể tên các nhà máy thủy điện trên sông Xê Xan?

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3,5 điểm)**

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN  
SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

Năm	Diện tích			Sản lượng		
	1995	2010	2014	1995	2010	2014
Tây Nguyên	79,0	96,7	89,4	85,7	92,9	93,0

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).  
b. Rút ra những nhận xét cần thiết.

## ĐÁP ÁN

### I- Phần trắc nghiệm

**Câu 1: (0,5 điểm)**

Trả lời: Các trung tâm kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đều là những thành phố biển với các hoạt động xuất nhập khẩu, du lịch nhộn nhịp, quan trọng của DHNTB là: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang

Chọn: D.

**Câu 2:** (0,5 điểm)

Trả lời: Quảng Nam vừa tiếp giáp biển Đông vừa có biên giới với Lào.

Chọn: A.

**Câu 3:** (0,5 điểm)

Trả lời: Hoạt động kinh tế chủ yếu của đồng bằng ven biển phía đông vùng Bắc Trung Bộ là: Sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch

Chọn: D.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Điều kiện thuận lợi nào để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là có diện tích đất đỏ bazan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo.

Chọn: C.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây. Người Kinh sống dọc ven biển phía đông, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố, thị xã; vùng gò đồi, vùng núi phía tây là nơi cư trú của người dân tộc ít người.

Chọn: B.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên là: Cà phê, cao su, chè, điều

Chọn: B.

## II- Phần tự luận

**Câu 1:** (3,5 điểm)

Hướng dẫn giải:

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28, các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

b. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28 và trang 22, các nhà máy thủy điện trên sông Xê Xan là: Xê Xan 3, Xê Xan 3A, Xê Xan 4, Yaly

**Câu 2:** (3,5 điểm)



Hướng dẫn giải:

a. Vẽ biểu đồ:

- Biểu đồ cột ghép, 3 nhóm cột, mỗi nhóm cột thể hiện 1 mốc năm. Mỗi mốc năm gồm 2 cột, 1 cột thể hiện tỉ lệ diện tích, 1 cột thể hiện tỉ lệ sản lượng.

- Yêu cầu: Vẽ đúng dạng biểu đồ, đầy đủ các yếu tố: tên biểu đồ, gốc tọa độ, các vạch chia, số liệu, chú giải, đúng tỉ lệ

Vẽ đẹp, trình bày khoa học.

b. Nhận xét:

- Tây Nguyên chiếm phần lớn tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của so với cả nước (dẫn chứng).

- Tỉ lệ diện tích cà phê của Tây Nguyên biến động qua các giai đoạn, gần đây có xu hướng giảm (dẫn chứng).

- Tỉ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên có xu hướng tăng (dẫn chứng)

→ Năng suất tăng.

#### 4. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 4

**TRƯỜNG THCS PHAN ĐĂNG LƯU**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**

**MÔN ĐỊA LÍ 9**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**Thời gian: 45 phút**

#### I- Phần trắc nghiệm

**Câu 1: Giới hạn phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Dãy Tam Đảo      B. Dãy Con Voi  
C. Dãy Tam Điệp      D. Dãy Bạch Mã

**Câu 2: Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)**

- A. Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.  
B. Gia Nghĩa, Bảo Lộc, Kon Tum.  
C. Đắk Tô, Đắk Min, Di Linh.  
D. Krông Buk, Krông Ana, Buôn Đôn.

**Câu 3: Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực miền núi, gò đồi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Công nghiệp, thương mại, du lịch, chăn nuôi bò đàn  
B. Chăn nuôi lợn, nghề rừng, cây công nghiệp hằng năm  
C. Trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu, bò đàn

D. Sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp hàng năm

**Câu 4: Các tỉnh Cực Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề làm muối chủ yếu do: (0,5 điểm)**

- A. Giao thông vận tải thuận lợi
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn
- C. Người dân giàu kinh nghiệm làm muối
- D. Độ mặn của nước biển cao, thời tiết khô hạn

**Câu 5: Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là: (0,5 điểm)**

- A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.
- B. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.
- C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.
- D. Người dân tộc thiểu số tập trung ở các thành phố.

**Câu 6: Một trong những đặc điểm về địa hình ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)**

- A. Địa hình núi cao bị cắt xẻ mạnh.
- B. Địa hình cao nguyên xếp tầng.
- C. Địa hình núi xen kẽ với đồng bằng
- D. Địa hình cao nguyên đá vôi tiêu biểu.

## II- Phần tự luận

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy: (3,5 điểm)**

- a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam?
- b. Kể tên các tỉnh thuộc Tây Nguyên có chăn nuôi bò

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3,5 điểm)**

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN  
SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

Năm	Diện tích			Sản lượng		
	1995	2010	2014	1995	2010	2014
Tây Nguyên	79,0	96,7	89,4	85,7	92,9	93,0

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).
- b. Rút ra những nhận xét cần thiết

**ĐÁP ÁN****I- Phần trắc nghiệm****Câu 1: (0,5 điểm)**

Trả lời: Vùng Bắc Trung Bộ có giới hạn phía bắc là dãy Tam Điệp, phía Nam là dãy Bạch Mã.

Chọn: C.

**Câu 2: (0,5 điểm)**

Trả lời: Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Tây Nguyên là Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.

Chọn: A.

**Câu 3: (0,5 điểm)**

Trả lời: Do sự phân hóa địa hình, đất đai nên hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực miền núi, gò đồi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu, bò đàn.

Chọn: C.

**Câu 4: (0,5 điểm)**

Trả lời: Các tỉnh Cực Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề làm muối do độ mặn của nước biển cao, thời tiết khô hạn do có số giờ nắng lớn, mưa ít thích hợp cho làm muối.

Chọn: D.

**Câu 5: (0,5 điểm)**

Trả lời: Phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm là phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây. Người Kinh sống dọc ven biển còn vùng gò đồi, vùng núi là nơi cư trú của người dân tộc ít người.

Chọn: B.

**Câu 6: (0,5 điểm)**

Trả lời: Địa hình Tây Nguyên bao gồm nhiều cao nguyên bazan xếp tầng.

Chọn: B.

**II- Phần tự luận****Câu 1: (3,5 điểm)**

Hướng dẫn giải:

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 27, các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Bắc vào Nam là:

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

b. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28, tỉnh thuộc Tây Nguyên có chăn nuôi bò là: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng

**Câu 2: (3,5 điểm)**

Hướng dẫn giải:

a. Vẽ biểu đồ:

- Biểu đồ cột ghép, 3 nhóm cột, mỗi nhóm cột thể hiện 1 mốc năm. Mỗi mốc năm gồm 2 cột, 1 cột thể hiện tỉ lệ diện tích, 1 cột thể hiện tỉ lệ sản lượng.

- Yêu cầu: Vẽ đúng dạng biểu đồ, đầy đủ các yếu tố: tên biểu đồ, gốc tọa độ, các vạch chia, số liệu, chú giải, đúng tỉ lệ

Vẽ đẹp, trình bày khoa học.

b. Nhận xét:

- Tây Nguyên chiếm phần lớn tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của so với cả nước (dẫn chứng).

- Tỉ lệ diện tích cà phê của Tây Nguyên biến động qua các giai đoạn, gần đây có xu hướng giảm (dẫn chứng).

- Tỉ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên có xu hướng tăng (dẫn chứng)

→ Năng suất tăng.

**5. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 5**

**TRƯỜNG THCS PHAN BỘI CHÂU**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**

**MÔN ĐỊA LÍ 9**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**Thời gian: 45 phút**

**I- Phần trắc nghiệm**

**Câu 1: Các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Nghệ An, Hà Tĩnh
- B. Đông Hà, Quảng Trị
- C. Thanh Hóa, Vinh, Huế
- D. Đồng Hới, Quảng Bình

**Câu 2: Giới hạn phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Dãy Tam Đảo      B. Dãy Con Voi
- C. Dãy Tam Điệp      D. Dãy Bạch Mã

**Câu 3: Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Công nghiệp, thương mại, du lịch
- B. Chăn nuôi gia súc lớn, nghề rừng
- C. Trồng cây công nghiệp lâu năm
- D. Trồng cây lương thực, thực phẩm

**Câu 4: Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do: Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do: (0,5 điểm)**

- A. Tất cả các tỉnh đều giáp biển
- B. Giao thông vận tải thuận lợi
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn
- D. Người dân giàu kinh nghiệm

**Câu 5: Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là: (0,5 điểm)**

- A. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Bắc xuống Nam.
- B. Phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây.
- C. Dân cư chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.
- D. Người dân tộc thiểu số tập trung ở các thành phố.

**Câu 6: Khó khăn lớn nhất về khí hậu đối với sản xuất và đời sống ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)**

- A. Hay có những hiện tượng thời tiết thất thường.
- B. Nắng lắm, mưa nhiều làm cho đất bị rửa trôi.
- C. Mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lụt, xói mòn.
- D. Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

## II- Phần tự luận

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy: (3,5 điểm)**

- a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc?
- b. Kể tên các khu kinh tế ven biển thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3,5 điểm)**

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)

Năm	Diện tích			Sản lượng		
	1995	2010	2014	1995	2010	2014

Tây Nguyên	79,0	96,7	89,4	85,7	92,9	93,0
------------	------	------	------	------	------	------

a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).

b. Rút ra những nhận xét cần thiết

## ĐÁP ÁN

### I- Phần trắc nghiệm

**Câu 1:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ là: Thanh Hóa, Vinh, Huế, các trung tâm này đều nằm ở ven biển.

Chọn: C.

**Câu 2:** (0,5 điểm)

Trả lời: Vùng Bắc Trung Bộ có giới hạn phía bắc là dãy Tam Điệp, phía Nam là dãy Bạch Mã.

Chọn: D.

**Câu 3:** (0,5 điểm)

Trả lời: Hoạt động kinh tế chủ yếu của khu vực đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là công nghiệp, thương mại, du lịch, khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Chọn: A.

**Câu 4:** (0,5 điểm)

Trả lời: Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do tất cả các tỉnh của vùng đều giáp biển, vùng có vùng biển rộng, đường bờ biển dài, nhiều bãi tôm, bãi cá.

Chọn: A.

**Câu 5:** (0,5 điểm)

Trả lời: Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây. Người Kinh sống dọc ven biển phía đông; vùng gò đồi, vùng núi phía tây là nơi cư trú của người dân tộc ít người.

Chọn: B.

**Câu 6:** (0,5 điểm)

Trả lời: Tây Nguyên có khí hậu mang tính chất cận xích đạo có mùa khô sâu sắc, kéo dài nên dẫn đến thiếu nước nghiêm trọng.

Chọn: D.

### II- Phần tự luận

**Câu 1: (3,5 điểm)**

Hướng dẫn giải:

- a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 27, các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc là: Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa.
- b. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28, các khu kinh tế ven biển thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ là: Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội, Nam Phú Yên, Vân Phong.

**Câu 2: (3,5 điểm)**

Hướng dẫn giải:

a. Vẽ biểu đồ:

- Biểu đồ cột ghép, 3 nhóm cột, mỗi nhóm cột thể hiện 1 mốc năm. Mỗi mốc năm gồm 2 cột, 1 cột thể hiện tỉ lệ diện tích, 1 cột thể hiện tỉ lệ sản lượng.

- Yêu cầu: Vẽ đúng dạng biểu đồ, đầy đủ các yếu tố: tên biểu đồ, gốc tọa độ, các vạch chia, số liệu, chú giải, đúng tỉ lệ

Vẽ đẹp, trình bày khoa học.

b. Nhận xét:

- Tây Nguyên chiếm phần lớn tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của so với cả nước (dẫn chứng).

- Tỉ lệ diện tích cà phê của Tây Nguyên biến động qua các giai đoạn, gần đây có xu hướng giảm (dẫn chứng).

- Tỉ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên có xu hướng tăng (dẫn chứng)

→ Năng suất tăng.

**6. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 6****TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI****ĐỀ THI HỌC KÌ 1****MÔN ĐỊA LÍ 9****NĂM HỌC 2020 – 2021****Thời gian: 45 phút****I- Phần trắc nghiệm****Câu 1: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế Trọng điểm miền Trung: (0,5 điểm)**

- A. Khánh Hòa      B. Bình Định  
C. Quảng Nam      D. Quảng Ngãi

**Câu 2: Giới hạn phía Bắc của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Dãy Tam Đảo      B. Dãy Con Voi  
C. Dãy Tam Điệp      D. Dãy Bạch Mã

**Câu 3: Hoạt động kinh tế chủ yếu của đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: (0,5 điểm)**

- A. Công nghiệp, thương mại, du lịch
- B. Chăn nuôi gia súc lớn, nghề rừng
- C. Khai thác và nuôi trồng thủy sản
- D. Trồng cây lương thực, thực phẩm

**Câu 4: Các tỉnh Bắc Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do: (0,5 điểm)**

- A. Giao thông vận tải thuận lợi
- B. Tất cả các tỉnh đều giáp biển
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn
- D. Người dân giàu kinh nghiệm

**Câu 5: Dân cư ở đồng bằng ven biển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là: (0,5 điểm)**

- A. Chủ yếu là người Kinh, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.
- B. Chủ yếu là người Chăm, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố thị xã.
- C. Chủ yếu là người Kinh, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.
- D. Chủ yếu là người Chăm, mật độ thưa thớt, tỉ lệ người nghèo còn khá cao.

**Câu 6: Mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên là: (0,5 điểm)**

- A. Đẩy mạnh khai thác khoáng sản, thủy điện.
- B. Mở rộng diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.
- D. Tăng cường khai thác và chế biến lâm sản.

## II- Phần tự luận

**Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy: (3,5 điểm)**

- a. Kể tên các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc?
- b. Kể tên các nhà máy thủy điện ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

**Câu 2: Cho bảng số liệu: (3,5 điểm)**

TỈ LỆ (%) DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA TÂY NGUYÊN  
SO VỚI CẢ NƯỚC (CẢ NƯỚC = 100%)



Năm	Diện tích			Sản lượng		
	1995	2010	2014	1995	2010	2014
Tây Nguyên	79,0	96,7	89,4	85,7	92,9	93,0

- a. Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ lệ (%) diện tích và sản lượng cà phê của Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%).
- b. Rút ra những nhận xét cần thiết.

## ĐÁP ÁN

### I- Phần trắc nghiệm

#### Câu 1: (0,5 điểm)

Trả lời: Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bao gồm các tỉnh: Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

Chọn: A.

#### Câu 2: (0,5 điểm)

Trả lời: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có giới hạn phía bắc là dãy Bạch Mã

Chọn: D.

#### Câu 3: (0,5 điểm)

Trả lời: Hoạt động kinh tế chủ yếu của đồi núi phía tây vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: Chăn nuôi gia súc lớn (bò đàn), nghề rừng, trồng cây công nghiệp.

Chọn: B.

#### Câu 4: (0,5 điểm)

Trả lời: Các tỉnh Bắc Trung Bộ đều phát triển nghề cá chủ yếu là do tất cả các tỉnh của vùng đều giáp biển, vùng có vùng biển rộng, nhiều bãi tôm, bãi cá.

Chọn: B.

#### Câu 5: (0,5 điểm)

Trả lời: Phân bố dân cư ở Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm là phân hóa rõ rệt theo hướng từ Đông sang Tây. Người Kinh sống dọc ven biển phía đông, mật độ dân số cao, tập trung ở các thành phố, thị xã; vùng gò đồi, vùng núi phía tây là nơi cư trú của người dân tộc ít người.

Chọn: A.

#### Câu 6: (0,5 điểm)

Trả lời: Tây Nguyên là vùng có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, đời sống còn khó khăn, nên mục tiêu hàng đầu trong việc phát triển kinh tế- xã hội ở Tây Nguyên là: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

Chọn: C.

## II- Phần tự luận

### Câu 1: (3,5 điểm)

Hướng dẫn giải:

a. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28, các tỉnh thuộc vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ theo thứ tự từ Nam ra Bắc là: Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng.

b. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, trang 28, các nhà máy thủy điện ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ là: A Vương, Đa Nhim, Hàm Thuận – Đa Mi, Vĩnh Sơn, Sông Hinh.

### Câu 2: (3,5 điểm)

Hướng dẫn giải:

a. Vẽ biểu đồ:

- Biểu đồ cột ghép, 3 nhóm cột, mỗi nhóm cột thể hiện 1 mốc năm. Mỗi mốc năm gồm 2 cột, 1 cột thể hiện tỉ lệ diện tích, 1 cột thể hiện tỉ lệ sản lượng.

- Yêu cầu: Vẽ đúng dạng biểu đồ, đầy đủ các yếu tố: tên biểu đồ, góc tọa độ, các vạch chia, số liệu, chú giải, đúng tỉ lệ

Vẽ đẹp, trình bày khoa học.

b. Nhận xét:

- Tây Nguyên chiếm phần lớn tỉ lệ diện tích và sản lượng cà phê của so với cả nước (dẫn chứng).

- Tỉ lệ diện tích cà phê của Tây Nguyên biến động qua các giai đoạn, gần đây có xu hướng giảm (dẫn chứng).

- Tỉ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên có xu hướng tăng (dẫn chứng)

→ Năng suất tăng.

## 7. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 7

TRƯỜNG THCS HUỖNH KHƯƠNG NINH

ĐỀ THI HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 9

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

### Câu 1. (2,5 điểm)

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

**MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DÂN CƯ, XÃ HỘI Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ NĂM 1999**

Tiêu chí	Đơn vị tính	Đông Bắc	Tây Bắc	Cả nước
Mật độ dân số	Người/km <sup>2</sup>	136	63	233
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	%	1,3	2,2	1,4
Tỉ lệ hộ nghèo	%	17,1		13,3
Thu nhập bình quân đầu người một tháng	Nghìn đồng	210,1		295,0
Tỉ lệ người lớn biết chữ	%	89,3	73,3	90,3
Tuổi thọ trung bình	Năm	68,2	65,9	70,9
Tỉ lệ dân số thành thị	%	17,3	12,9	23,6

- a) So sánh các chỉ số về dân cư, xã hội của Trung du và miền núi Bắc Bộ với cả nước.  
b) Nhận xét sự chênh lệch về dân cư, xã hội của hai tiểu vùng Đông Bắc, Tây Bắc.

**Câu 2. (2 điểm)**

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi, khó khăn gì cho phát triển kinh tế?

**Câu 3. (2 điểm)**

Hãy cho biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của Bắc Trung Bộ và ý nghĩa của chúng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 4. (1,5 điểm)**

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam, cho biết:

- a) Duyên hải Nam Trung Bộ có các trung tâm công nghiệp nào? Những trung tâm nào lớn hơn cả?  
b) Cơ cấu công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ có đặc điểm gì? Nêu tên các ngành công nghiệp phát triển mạnh của vùng.

**Câu 5. (2 điểm)**

Vì sao nói Tây Nguyên có thể mạnh về du lịch?

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1. (2,5 điểm)**

a) So với cả nước, Trung du và miền núi Bắc Bộ có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn nhiều, GDP/người bằng một nửa, tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ dân số thành thị thấp hơn.

b) So sánh Đông Bắc với Tây Bắc:

- Khu vực Tây Bắc có nhiều chỉ số thấp hơn Đông Bắc: GDP/người, tỉ lệ người lớn biết chữ, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ dân số thành thị.

- Chỉ tiêu của Tây Bắc cao hơn Đông Bắc là tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số.

**Câu 2. (2 điểm)**

- Thuận lợi:

+ Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước.

+ Thời tiết mùa đông thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh.

+ Một số khoáng sản có giá trị đáng kể: đá, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.

+ Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch.

- Khó khăn: thiên tai (bão, lũ lụt, thời tiết thất thường), ít tài nguyên khoáng sản.

**Câu 3. (2 điểm)**

- Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ: lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang, giáp Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Lào, Biển Đông.

- Ý nghĩa của vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ: cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam, cửa ngõ của các nước láng giềng ra Biển Đông và ngược lại, cửa ngõ hành lang đông - tây của Tiểu vùng sông Mê Công, có khả năng phát triển kinh tế đa ngành.

**Câu 4. (1,5 điểm)**

a) Các trung tâm công nghiệp: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết. Các trung tâm lớn: Đà Nẵng, Nha Trang.

b) Cơ cấu công nghiệp khá đa dạng. Các ngành công nghiệp phát triển mạnh: chế biến nông sản, dệt may, cơ khí, sản xuất giấy,...

**Câu 5. (2 điểm)**

- Tây Nguyên giàu tiềm năng phát triển du lịch: khí hậu cận xích đạo có sự phân hóa theo độ cao địa hình, khí hậu ở các nguyên cao mát mẻ kết hợp với thiên nhiên phong cảnh đẹp của thành phố Đà Lạt, hồ Lắk, Biển Hồ, núi Lang Biang huyền thoại, các vườn quốc gia tạo nên thế mạnh phát triển du lịch sinh thái.

- Tây Nguyên là địa bàn cư trú của nhiều thành phần dân tộc Gia-rai, Ê-đê, Ba-na, Mnông, Cơ-ho,... có truyền thống đoàn kết, có bản sắc văn hóa đa dạng, phong phú và góp phần tạo ra các sản phẩm du lịch phong phú.

- Vùng có nhiều thành phố là những trung tâm du lịch nổi tiếng: Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plây Ku,...

### 8. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 8

**TRƯỜNG THCS THÁI VĂN LUNG**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**

**MÔN ĐỊA LÍ 9**

**NĂM HỌC 2020 – 2021**

**Thời gian: 45 phút**

#### Câu 1. (2 điểm)

Dựa vào Atlát Địa lí Việt Nam, cho biết tên các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, các trung tâm công nghiệp luyện kim, cơ khí, hóa chất của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

#### Câu 2. (2 điểm)

Đồng bằng sông Hồng có thuận lợi gì về dân cư, xã hội?

#### Câu 3. (2 điểm)

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây và kiến thức đã học, nhận xét về sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người, năng suất lúa cả năm của Bắc Trung Bộ so với cả nước. Giải thích vì sao?

**NĂNG SUẤT LÚA VÀ LƯƠNG THỰC CÓ HẠT BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI, GIAI ĐOẠN 1995 -2005**

Tiêu chí	Cả nước		Bắc Trung Bộ	
	1995	2005	1995	2005
Lương thực có hạt bình quân đầu người (kg/người)	363,1	476,8	235,5	348,1
Năng suất lúa cả năm (tạ/ha)	36,9	48,9	31,4	47,0

#### Câu 4. (2 điểm)

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung gồm những tỉnh, thành phố nào? Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

#### Câu 5. (2 điểm)

Tây Nguyên có những khó khăn gì về tự nhiên, dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế?

### ĐÁP ÁN

#### Câu 1.

a) Nhà máy nhiệt điện: Uông Bí, Na Dương.

b) Các nhà máy thủy điện: Thác Bà, Hòa Bình, Tuyên Quang, Nậm Mu, Sơn La.

- c) Trung tâm công nghiệp luyện kim: Thái Nguyên.
- d) Trung tâm công nghiệp cơ khí: Thái Nguyên, Hạ Long.
- e) Trung tâm hóa chất: Bắc Giang, Việt Trì.

**Câu 2.**

Thuận lợi về dân cư, xã hội của Đồng bằng sông Hồng:

- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
- Người lao động có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, có chuyên môn kĩ thuật.
- Kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất cả nước.
- Có một số đô thị được hình thành từ lâu đời là Thủ đô Hà Nội và Hải Phòng.

**Câu 3.**

a) Nhận xét: Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người và năng suất lúa cả năm của Bắc Trung Bộ đều thấp hơn cả nước.

**b) Giải thích**

Vùng Bắc Trung Bộ:

- Đồng bằng nhỏ hẹp, đất cát pha là chủ yếu, ít thuận lợi cho trồng cây lương thực có hạt.
- Thiên tai thường xuyên xảy ra (bão, lũ lụt, gió phơn tây nam khô nóng...).
- Tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số còn cao hơn cả nước.

**Câu 4. (2 điểm)**

- Các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Vai trò:

- + Tác động mạnh tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.
- + Là trọng điểm thu hút đầu tư trong nước và quốc tế.
- + Góp phần giải quyết việc làm cho vùng và các vùng lân cận...

**Câu 5. (2 điểm)**

Khó khăn của Tây Nguyên:

- Mùa khô kéo dài gây thiếu nước nghiêm trọng cho cả sản xuất và sinh hoạt.
- Hiện tượng chặt phá rừng bừa bãi trước đây để lại hậu quả xấu về môi trường. Mùa khô nguy cơ cháy rừng cao.
- Nhìn chung trình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao.
- Cơ sở vật chất kĩ thuật và hạ tầng còn nhiều hạn chế.

**9. Đề thi học kì 1 môn Địa lí 9 – Số 9**  
**TRƯỜNG THCS ĐÀO DUY TỬ**

**ĐỀ THI HỌC KÌ 1**  
**MÔN ĐỊA LÍ 9**  
**NĂM HỌC 2020 – 2021**  
**Thời gian: 45 phút**

**I. Phần trắc nghiệm:**

Khoanh tròn chữ cái đầu dòng trước câu trả lời đúng.

**Câu 1:** Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở

- A. Miền núi.
- B. Ven biển.
- C. Đô thị.
- D. Đồng bằng.

**Câu 2:** Vùng có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số thấp nhất cả nước là

- A. Tây Bắc.
- B. Đồng Bằng sông Cửu long.
- C. Đồng Bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ.

**Câu 3:** Đặc điểm nguồn lao động nước ta là :

- A. thiếu kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp.
- B. phần lớn lực lượng đã qua đào tạo.
- C. tập trung chủ yếu ở thành thị.
- D. hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.

**Câu 4:** Mật độ dân số cao nhất ở vùng

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng Bằng Sông Hồng.
- C. Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 5:** Đâu không phải là thành tựu trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân?

- A. Tỉ lệ người lớn biết chữ tăng cao.

- B. Tỷ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em giảm.  
 C. Thu nhập bình quân đầu người gia tăng.  
 D. Cân bằng cuộc sống của dân cư giữa các vùng.

**Câu 6.** Nguyên nhân nào đã và đang làm cho cơ cấu ngành công nghiệp trở lên đa dạng và linh hoạt hơn ?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật  
 B. Sức ép thị trường  
 C. Chính sách phát triển công nghiệp hợp lí  
 D. Nguồn tài nguyên khoáng sản.

## II. Phân tự luận:

**Câu 1:** Phân tích những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên để phát triển nông nghiệp nước ta ?

**Câu 2:** Dựa vào bảng số liệu dưới đây em hãy:

a. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu GDP nước ta thời kì 1991 – 2005.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, em hãy nhận xét sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nước ta thời kì 1991 - 2005. (Đơn vị: %)

Năm	1991	1995	1999	2005
<b>Tổng số</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
Nông – Lâm – Ngư nghiệp	40.5	27.2	25.4	21.0
Công nghiệp – Xây dựng	23.8	28.8	34.5	41.0
Dịch vụ	35.7	44.0	40.1	38.0

## ĐÁP ÁN

Câu								điểm
<b>I/ Phần trắc nghiệm:</b>	Câu	1	2	3	4	5	6	3,0đ
	Đáp án	D	C	D	B	D	B	
<b>II/ Phần tự luận:</b>	- Tài nguyên đất: đa dạng, vừa có đất phù sa, đất Feralít tạo điều kiện đa dạng cây trồng như cây công nghiệp, cây lương thực - Tài nguyên khí hậu: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa quanh năm có nguồn nhiệt cao, độ ẩm lớn, khí hậu phân bố rõ rệt theo chiều Bắc - Nam, theo mùa,							3,0đ





- B. Đường sắt.
- C. Đường hàng không.
- D. Đường bộ.

**Câu 3.** Cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta là:

- A. Cây công nghiệp.
- B. Cây hoa màu.
- C. Cây lúa.
- D. Cây ăn quả và rau đậu.

**Câu 4.** Hai vùng trọng điểm lúa của nước ta:

- A. Vùng Đông Nam Bộ và Bắc Trung Bộ
- B. Vùng Đồng bằng Sông Hồng và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ
- C. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Trung Du, Miền núi Bắc Bộ
- D. Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Đồng bằng Sông Hồng

**Câu 5:** Ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta?

- A. Khai thác nhiên liệu.
- B. Chế biến lương thực thực phẩm.
- C. Công nghiệp điện.
- D. Dệt may.

**Câu 6:** Các cánh rừng chắn cát dọc ven biển miền Trung và các cải rừng ngập mặn ven biển nước ta là loại rừng nào trong những loại rừng sau?

- A. Rừng sản xuất.
- B. Rừng phòng hộ.
- C. Rừng đặc dụng.
- D. Cả A, B, C.

## II. Phần tự luận:

**Câu 7:** Nét đặc trưng của quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta là gì ? Thể hiện như thế nào ?

**Câu 8:** Cho bảng số liệu sau:

Cho bảng số liệu dưới đây:

Cơ cấu GDP của nước ta thời kì 2001 – 2017 (%).

Năm	2001	2003	2005	2007	2010	2015	2017
<b>Ngành kinh tế</b>							
<b>Tổng số</b>	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông-lâm-ngư nghiệp	40,5	29,9	27,2	25,8	25,4	23,3	23,0
Công nghiệp-xây dựng	23,8	28,9	28,8	32,1	32,1	38,1	38,5
Dịch vụ	35,7	41,2	44,0	42,1	42,1	38,6	38,5

a. Hãy vẽ biểu đồ phù hợp thể hiện cơ cấu GDP thời kì 2001 – 2017.

b. Sự giảm mạnh tỉ trọng của nông, lâm, ngư nghiệp từ 40,5% xuống còn 23,0% nói lên điều gì? Tỉ trọng của khu vực kinh tế nào tăng nhanh? Thực tế này phản ánh điều gì?

## ĐÁP ÁN

Câu		điểm
I/ Phần trắc nghiệm:	Câu 1- A; Câu 2 - D; Câu 3 - C; Câu 4 – D Câu 5 – B; Câu 6 – B;	3,0đ
II/ Phần tự luận:	* Nét đặc trưng của quá trình đổi mới nền kinh tế nước ta là chuyển dịch cơ cấu kinh tế được thể hiện:  + Chuyển dịch cơ cấu ngành: Giảm tỉ trọng của ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp - xây dựng. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn nhiều biến động.  + Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: Với sự hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp, các vùng tập trung công nghiệp và dịch vụ.  + Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Từ nền kinh tế chủ yếu gồm khu vực nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.	1,0đ  1,0đ  1,0đ
7	a) Vẽ đúng biểu đồ miền thể hiện cơ cấu GDP các ngành kinh tế nước ta, thời kỳ 2001 - 2017  b) Nhận xét:  - Cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế có sự thay đổi rõ nét:  + Tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm mạnh: từ 40,5% (năm 2001) xuống còn 23% (năm 2017).  + Tỉ trọng của khu vực công nghiệp, xây dựng tăng nhanh: từ 23,8% (năm 2001) tăng lên 38,5 % (năm 2017).	2,0đ  2,0đ
8		

	<p>+ Khu vực dịch vụ tuy có biến động nhưng vẫn chiếm tỉ trọng cao (năm 2017 chiếm 38,5%).</p> <p>⇒ Sự thay đổi như trên cho thấy: từ sau năm 2001, cơ cấu kinh tế của nước ta đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: giảm tỉ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp, đẩy mạnh phát triển công nghiệp xây dựng và dịch vụ; phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước</p>	
--	---	--

www.eLib.vn